

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 340/2020/HNST ngày 30 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Vi C, sinh năm 1989
2. Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: K, TXS, Tổ 33, Khu phố 5, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T qua thời gian tìm hiểu 03 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 đăng ký ngày 20/01/2017 tại Ủy ban nhân dân phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, cả hai không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề, thường xuyên cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, Ông C và bà T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông C và bà T cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T xác nhận có 01 (một) người con chung là Trần Thiên K (nam), sinh ngày 27/5/2017.

Ông C và bà T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông C cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T cùng chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 đăng ký ngày 20/01/2017 tại Ủy ban nhân dân phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T xác nhận có 01 (một) người con chung là Trần Thiên K (nam), sinh ngày 27/5/2017.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Thiên K (nam), sinh ngày 27/5/2017. Ông Trần Vi C cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032708 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Vi C và Bà Nguyễn Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- C/c THADS Quận 7, Tp.HCM
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (TK Thúc)

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**